

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2022

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cường

2. Ông Huỳnh Bảo Nguyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Trần Khắc Huy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Bích N** sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn P** (Ba Đ) sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(bà N có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đỗ Bích N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà kiếm chuyện chửi, đánh bà nên bà và ông P sống ly thân với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: bà và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1999 đã trưởng thành và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2007 hiện đang sống với bà, ly hôn bà yêu

cầu nuôi con nhỏ là Nguyễn Thảo N, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông P không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, ông P đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông P là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đỗ Bích N khởi kiện ông Nguyễn Văn P về việc xin ly hôn. Ông P cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Bích N và ông Nguyễn Văn P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1998 đến ngày 17 tháng 11 năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã M), huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống bà N xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2021 do bất đồng quan điểm, ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà kiếm chuyện chửi, đánh bà nên yêu cầu được ly hôn. Còn ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N chứng tỏ ông P không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng. Mặt khác, bà N và ông P có thời gian dài không chung sống với nhau và ông bà cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm của mình cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà N ly hôn với ông P là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà N và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1999 đã trưởng thành và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2007 hiện đang sống với bà N, nay bà yêu cầu nuôi con nhỏ là Nguyễn Thảo N. Ông P vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy, cháu Thảo N hiện đang sống với bà N đã lâu dài và ổn định, cần được sự chăm sóc của bà N nhiều hơn và tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu Thảo N. Do đó, giao cháu Thảo N cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu Thảo N mong muốn được sống với bà N. Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Bích N và ông Nguyễn Văn P.
2. Về nuôi con chung:
 - 2.1 Giao 01 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2007 cho bà Đỗ Bích N trực tiếp nuôi dưỡng.
 - 2.2 Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Văn P do bà Đỗ Bích N không yêu cầu.
 - 2.3 Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với ông P.
3. Về án phí: bà Đỗ Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004952 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với ông P thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.
5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

